

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2025
V/v tranh chấp "Quyền về lối đi
qua bất động sản liền kề"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Ông Võ Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1200/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Quyền về lối đi qua bất động sản liền kề" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Yến N, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt);

3.2. Ông Đặng Văn G, sinh năm 1952

Nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là số 394, tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

3.3. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang (trước đây là số 394, tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn K trình bày:

Trước ngày 30/4/2024, ông Đặng Văn K sử dụng lối đi có chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 14,5m để đi ra đường công cộng, qua đo đạc thực tế thì phần lối đi này có diện tích 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C lập ngày 20/01/2025 (nay là Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực liên xã C) (sau đây viết tắt là Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp), phần lối đi này thuộc phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5. Sau ngày 30/4/2024, ông Lê Ngọc M rào chắn phần lối đi mà ông Đặng Văn K đang sử dụng để đi ra đường công cộng. Hiện nay, ngoài lối đi đang tranh chấp thì ông Đặng Văn K không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng. Do đó, ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N mở lối đi trên phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, tọa lạc tại tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang). Đối với ý kiến của ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N về việc chuyển nhượng lại toàn bộ phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 cho ông Đặng Văn K, giá chuyển nhượng 2.000.000 đồng/m² thì ông Đặng Văn K không đồng ý vì ông Đặng Văn K không có đủ tiền để nhận chuyển nhượng phần diện tích này.

Hiện trạng phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp không thay đổi so với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024 và vẫn đang bỏ trống.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp thì thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất mà Hội đồng định giá đã xác định theo Biên bản định giá ngày 26/12/2024.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

- Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang;

- Thông báo kết quả hòa giải tranh chấp đất đai (hòa giải không thành) số 323/TB-UBND ngày 13/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông

Lê Ngọc M trình bày:

Ngày 19/4/2024, ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn G (cha ruột của ông Đặng Văn K) quyền sử dụng đất có diện tích $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5. Đến ngày 06/5/2024, ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN06271 ngày 06/5/2024 đối với diện tích $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5. Hiện trạng phần diện tích đất $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5 khi nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn G thì phần diện tích này không có lối đi như hiện nay mà trên đất chỉ tồn tại nhiều cây trồng trên đất; sau khi ông Đặng Văn G chuyển nhượng thì ông Đặng Văn G mới nhổ các cây trồng trên đất để giao đất cho ông M, bà N. Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng với ông Đặng Văn G, khoảng tháng 4/2024 (không xác định được ngày cụ thể), ông Lê Ngọc M tiến hành xây dựng hàng rào (lưới B40, trụ đá) bao quanh phần diện tích đất $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5. Hiện nay, ông Đặng Văn K vẫn còn lối đi khác để đi ra đường công cộng, không phải đi qua phần diện tích đất $34,7\text{m}^2$ được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, thuộc phần diện tích đất $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N. Do đó, ông Lê Ngọc M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K. Ngoài ra, ông Đặng Văn K muốn sử dụng phần diện tích này thì ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N đồng ý chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5 lại cho ông Đặng Văn K, giá chuyển nhượng 2.000.000 đồng/ m^2 .

Hiện trạng phần diện tích đất $34,7\text{m}^2$ được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp không thay đổi so với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024 và vẫn đang bỏ trống.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất đang tranh chấp thì thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất mà Hội đồng định giá đã xác định theo Biên bản định giá ngày 26/12/2024.

Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN06271 do Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C cấp ngày 06/5/2024 cho ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N đối với diện tích $69,7\text{m}^2$, thửa số 131, tờ bản đồ số 5;

- Hiện trạng sử dụng đất hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Yến N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Ngọc M.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Đặng Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày: Yêu cầu ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N mở lối đi trên phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, thuộc phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Lê Ngọc M vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày: Không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Yến N trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Ngọc M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N mở lối đi trên phần diện tích đất mà ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N đã được cấp quyền sử dụng đất là tranh chấp đất đai, thuộc trường hợp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đối tượng tranh chấp tọa lạc tại tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp A, xã H, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[1.3] Các đương sự đều xác định hiện trạng phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp không thay đổi so với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2024; đối với giá trị tài sản đang tranh chấp thì không có ý kiến và không yêu cầu định giá lại; quyền sử dụng đất đang tranh chấp không có thể chấp tại các tổ chức tín dụng hoặc cá nhân khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự

như trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] Tại phiên tòa, ông Đặng Văn G và bà Võ Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 (hai) để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K về việc yêu cầu ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N mở lối đi trên phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Đặng Văn K cho rằng, ông Đặng Văn K đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất 99,7m² được thể hiện tại các điểm 4, 9, 10, 11, 12, 5 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp. Hiện nay, ngoài lối đi đang tranh chấp được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thì ông Đặng Văn K không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng. Do đó, ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N mở lối đi trên phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, thuộc phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5.

Ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N cho rằng: Ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N được quyền sử dụng đất đối với diện tích 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN06271 ngày 06/5/2024 do Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C cấp cho ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn G (cha của ông Đặng Văn K). Hiện nay, ông Đặng Văn K vẫn còn lối đi khác để đi ra đường công cộng, không phải đi qua phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, thuộc phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N. Do đó, ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

Các tài liệu, chứng cứ sau thể hiện:

Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thể hiện phần diện tích đất mà ông Đặng Văn K đang quản lý, sử dụng có diện tích 99,7m² được thể hiện tại các điểm 4, 9, 10, 11, 12, 5 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, phần diện tích đất này thuộc phần diện tích đất 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5. Đồng thời, phần diện tích đất 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5 tiếp giáp với đường bê tông (đường đi công cộng), không bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN05459 ngày 06/5/2024 do Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C cấp cho ông Đặng Văn G thể hiện phần diện tích đất 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5 đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn G (cha của ông Đặng Văn K).

Do đó có đủ căn cứ để xác định: Phần diện tích đất 99,7m² mà ông Đặng Văn K đang quản lý, sử dụng thuộc phần diện tích 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5 và đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn G (cha của ông Đặng Văn K). Đồng thời, phần diện tích đất 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5 không bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác (trong đó có phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N).

Xét thấy,

Ông Đặng Văn K đang quản, lý sử dụng phần diện tích đất 99,7m² được thể hiện tại các điểm 4, 9, 10, 11, 12, 5 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp nhưng ông Đặng Văn K không phải là người sử dụng đất hợp pháp đối với phần diện tích đất mà ông Đặng Văn K đang quản lý, sử dụng mà người sử dụng đất hợp pháp là ông Đặng Văn G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN05459 ngày 06/5/2024 do Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C cấp cho ông Đặng Văn G. Khi ông Đặng Văn G và bà Võ Thị Đ chuyển nhượng phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 cho ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N vào 19/4/2024 thì các bên không có thỏa thuận sẽ giành lại một phần diện tích đất trong phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 để làm lối đi. Mặt khác, hiện nay phần diện tích đất 503,8m², thửa số 130, tờ bản đồ số 5 của ông Đặng Văn G và bà Võ Thị Đ tiếp giáp với đường công cộng, không bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng. Do đó, việc ông Đặng Văn K yêu cầu mở lối đi trên phần diện tích đất 34,7m² được thể hiện tại các điểm 2, 3, 9, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp, thuộc phần diện tích đất 69,7m², thửa số 131, tờ bản đồ số 5 của ông Lê Ngọc M và bà Võ Thị Yến N là không phù hợp quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 29 Luật Đất đai năm 2024 nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Đặng Văn K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K không được chấp nhận nên ông Đặng Văn K phải chịu 3.186.568 đồng chi phí đo đạc, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 4, 29, 133 Luật Đất đai năm 2024;

Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn K.

[2] Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 20/01/2025 (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực liên xã C) là một phần không tách rời của Bản án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0023357 ngày 14/10/2024 và Biên lai thu số 0024234 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Ông Đặng Văn K được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Ông Đặng Văn K phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 3.186.568 (ba triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi tám) đồng (đã nộp xong).

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang